

Bản án số: 144/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/5/2019
V/v Tranh chấp Ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thanh Trúc

2. Bà Trần Thị Bích Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hoài, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thùy Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 21 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 18/2019/TLST-HNGĐ ngày 04/01/2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 150/2019/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 207/2019/QĐST-DS ngày 25 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1959 – *Có mặt;*

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1957 – *Vắng mặt;*

Cùng trú tại: X, tổ 4, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 04/01/2019 và bản tự khai ngày 28/02/2019, nguyên đơn ông Nguyễn Văn L trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và sống chung với nhau từ năm 1976, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã Kênh Giang, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Theo ông L vợ chồng chung sống hạnh phúc thời gian đầu, đến năm 2006 thì cả hai bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đỉnh điểm là đến đầu năm 2018 vì bà T nhiều lần làm ăn bên ngoài, tự ý vay nợ ảnh hưởng đến kinh tế gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên bất đồng, cãi vã. Do các mâu thuẫn cứ tiếp tục xảy ra mà không thể khắc phục được nên bà T đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2018 đến nay, cả hai đều không ai muốn hàn gắn gia đình. Nhận thấy tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn nên ông yêu cầu được ly hôn với bà Nguyễn Thị T.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung là Nguyễn Văn Q, sinh năm 1980 và Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1985, cả hai con đều đã trưởng thành.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định không có.

Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị T hoàn toàn không có mặt để trình bày ý kiến hay đưa ra yêu cầu của mình.

* Phát biểu của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng:

Về hình thức, qua kiểm sát giải quyết vụ án thì từ khi thụ lý đến thời điểm này thấy rằng Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng về phiên tòa sơ thẩm. Tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình và tuân thủ nội quy phiên tòa. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung, qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phần hỏi, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của ông L là hoàn toàn có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về xác định quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Ông Nguyễn Văn L yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị Thuận. Do bà T có địa chỉ cư trú tại 963/3/1, tổ 4, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không lý do. Theo kết quả xác minh tại nơi cư trú của bà T cho thấy bà T có đăng ký thường trú tại địa chỉ 963/3/1, tổ 4, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè nhưng không thực tế cư trú và không thông báo địa chỉ nơi đến nên thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ theo khoản 2 Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Do đó căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn hôm nay.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Ông Nguyễn Văn L xin ly hôn với bà Nguyễn Thị T với lý do mâu thuẫn vợ chồng xảy ra từ năm 2006, đỉnh điểm là từ đầu năm 2018 đến nay do bất đồng quan điểm sống, cả hai đã không còn quan tâm, yêu thương nhau và đã sống ly thân từ tháng 01/2018 đến nay mà vẫn không hàn gắn lại được. Tại phiên tòa, ông L trình bày sau khi bà T bỏ nhà đi bản thân ông cũng không liên lạc, tìm kiếm hay nhận được bất kỳ thông tin nào của bà T liên hệ về gia đình, cả hai đã không còn quan tâm yêu thương lẫn nhau.

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 04/3/2019 của Hội liên hiệp phụ nữ xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè cho biết: *“Trong quá trình sống chung tại địa chỉ 963/3/1 ông L và bà T chưa thấy mâu thuẫn giữa hai vợ chồng. Hiện nay bà T không còn ở địa phương”*.

Theo kết quả trả lời xác minh ngày 04/3/2019 của Công an xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè cho biết: *“Đương sự Nguyễn Thị Thuận, sinh năm 1957 có hộ khẩu thường trú tại 963/3/1, tổ 4, ấp 6, xã Phú Xuân, huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại thời điểm kiểm tra đương sự T không thực tế cư trú, đi đâu không rõ”*.

Xét, trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ tất cả văn bản tố tụng để tham gia hòa giải, hàn gắn gia đình với ông L cũng như đưa ra ý kiến hay yêu cầu của mình, tuy nhiên bà T vẫn vắng mặt không lý do. Việc bà T bỏ nhà đi từ đầu năm 2018 đến nay chứng tỏ không còn quan tâm đến gia đình, cũng như không có thiện chí xây dựng hàn gắn tình cảm vợ chồng với ông Lương. Như vậy, có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa ông L và bà T là hoàn toàn có thật và khả năng hàn gắn không còn, đời sống hôn nhân đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận đơn xin ly hôn của ông L đối với bà Thuận.

[3.2] Về con chung: Cả hai người con chung của ông L và bà T đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Ông L xác định không có. Nếu sau này bà T có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông L có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0033661 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông L đã nộp đủ án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35 và Điều 39; khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ các Điều 57, 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30/12/2016;

Tuyên xử:

1/- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ vợ chồng: Ông Nguyễn Văn L được ly hôn với bà Nguyễn Thị Thuận.

- Về con chung: Cả hai người con chung của ông Nguyễn Văn L và bà Nguyễn Thị T đều đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn L xác định không có. Nếu sau này bà Nguyễn Thị T có yêu cầu sẽ được xem xét trong vụ kiện khác.

2/- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Nguyễn Văn L có nghĩa vụ phải nộp, được căn trừ vào tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0033661 ngày 04/01/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, ông L đã nộp đủ án phí.

3/- Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

4/- Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa T thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDTP, VKSNDTP;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND xã Kênh Giang, huyện
Thủy Nguyên, thành phố Hải
Phòng;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

LÊ THU HIỀN